

UNIT 1

Hello

A. VOCABULARY (Từ vựng)



1. Hello
/hə'ləʊ/



2. Hi
/haɪ/



3. Goodbye
/gʊd baɪ/



4. Bye
/baɪ/



5. fine
/faɪn/



6. thank you
/θæŋk ju:/



7. Ben



8. Mai



9. Minh



10. Lucy

B. STRUCTURE (Mẫu câu)

1. Cách chào hỏi :

- Hello: sử dụng ở mọi tình huống, mọi đối tượng giao tiếp.
- Hi: sử dụng khi hai bên giao tiếp là bạn bè, người thân. Đây là từ để chào hỏi rất thân mật.

Ngoài các câu chào trên (Hi, Hello), người ta còn dùng Nice to meet you (Rất vui được gặp bạn) để chào, câu này lịch sự hơn hai cách chào trên.

- Good morning: Chào buổi sáng
- Good afternoon: Chào buổi chiều
- Good evening: Chào buổi tối
- Good night!: Chúc ngủ ngon! (Chào khi đi ngủ) hay còn dùng để chào tạm biệt vào buổi tối.

2. Cách giới thiệu tên:

I am + name (tên).

Tên mình là...

Dạng viết tắt: I am —► I'm.

Ex: I am Thao. Mình tên là Thảo.



3. Hỏi thăm sức khỏe:

Hỏi: How are you? Bạn có khỏe không?

Đáp: I'm fine. / Fine. Mình khỏe.

Thank you. / Thanks. And you? Cảm ơn. Còn bạn thì sao?

"How" có nghĩa là "thế nào, ra sao?", ở đây người ta sử dụng động từ

"to be" là "are" bởi vì chủ ngữ thể hiện trong câu là "you".

Thank you = Thanks: có nghĩa là "cảm ơn".

4. Cách chào tạm biệt:

Goodbye/ Bye!

-Goodbye (Tạm biệt)

- Bye Mai! (Tạm biệt Mai)



C. EXERCISE (Bài tập)

Ex1: Fill in the blanks.



1. _ello



2. _i



3. By_



4. Goo_bye



5. T _ a n k y _ u



6. _ _ . I ' m N a m



7. H i . I _ _ B e n



8. M _ H o a



Ex2: Circle the odd one out.

1 . a. Hello b. Hi c. Lucy

2. a. Bye b. thank c. Goodbye

3 . a. am b. Ben c. Bill

4 . a. Mary b. Minh c. How

5 . a. Goodbye b. Hi c. Hello

6 . a. Nam b. fine c. Ben



Ex3: Find the words.

hi

thank

bye

hello

g	f	m	h	c	y	r	e	f
o	r	a	i	n	k	h	e	h
o	b	y	r	k	y	e	s	u
d	e	a	s	a	d	l	t	b
b	r	k	t	b	y	l	f	y
y	p	a	t	n	j	o	g	e
e	r	v	n	j	y	d	e	y
g	t	h	a	n	k	h	i	b

goodbye



Ex4: Read the sentences then choose the correct picture.

1. Hi. I am Lucy.



a. ☐



b. ☐

2. Hello, Mr Long.



a. ☐



b. ☐

3. How are you?



a. ☐



b. ☐

4. Goodbye, Mom.



a. ☐



b. ☐



Ex5: Read and match.

1. Hello. I'm Ben.

a. Bye, Mary.

2. Hi.

b. am fine, thank you

3. How are you?

c. Hi, Ben. I'm Lucy.

4. Bye, Nam.

d. I'm Bill.

5. How are you, Minh? I

e. I'm fine, thank you.